



THỰC TRẠNG NUÔI CÁ TRA Ở ĐBSCL

Người trình bày: Dương Công Chính

Cần Thơ, ngày 26 tháng 5 năm 2016



This project is co-funded by the European Commission

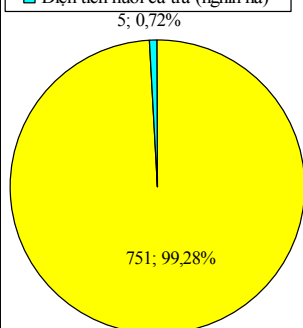
SUPA



DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG NUÔI THỦY SẢN CÁC TỈNH ĐBSCL

■ Diện tích NTTS khác (nghìn ha)

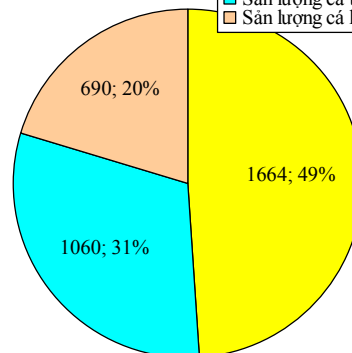
■ Diện tích nuôi cá tra (nghìn ha)



■ Sản lượng NTTS khác (nghìn tấn)

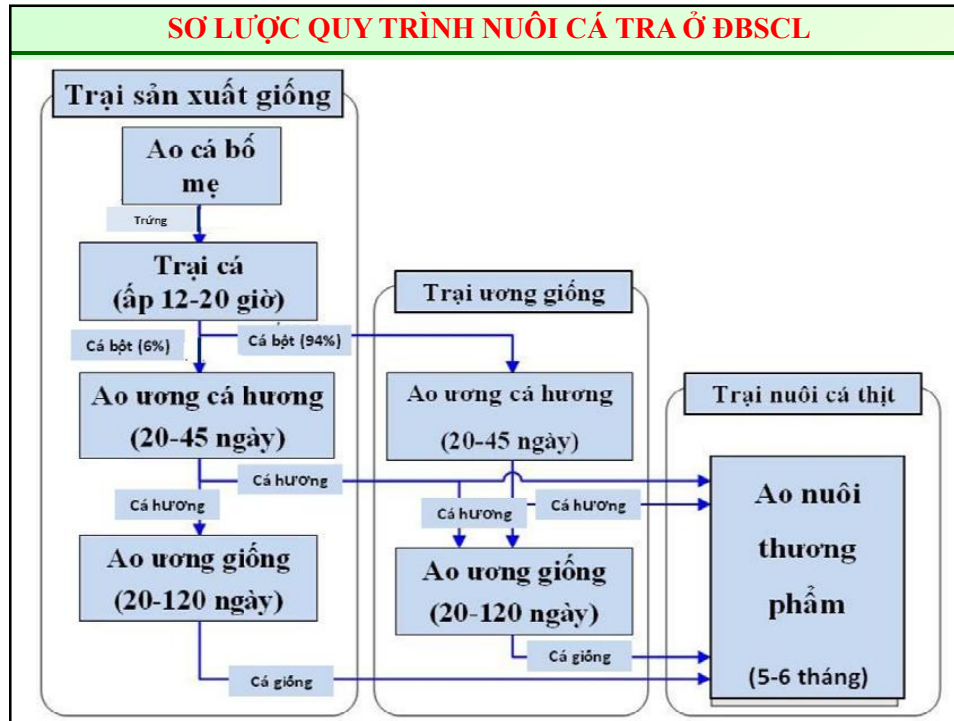
■ Sản lượng cá tra (nghìn tấn)

■ Sản lượng cá khác (nghìn tấn)



Diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản các tỉnh ĐBSCL

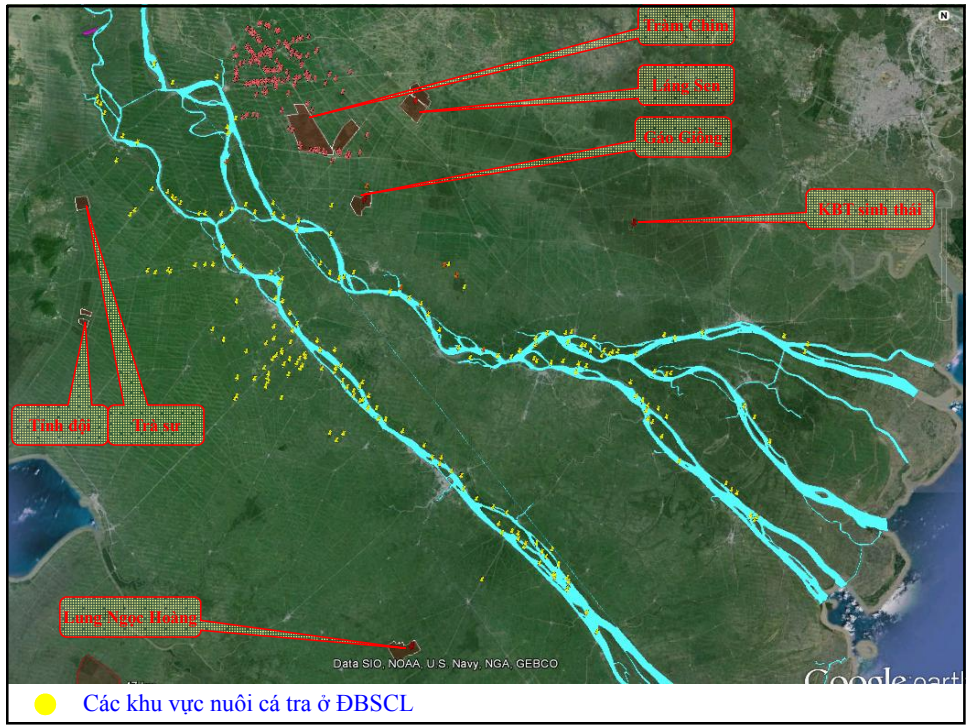
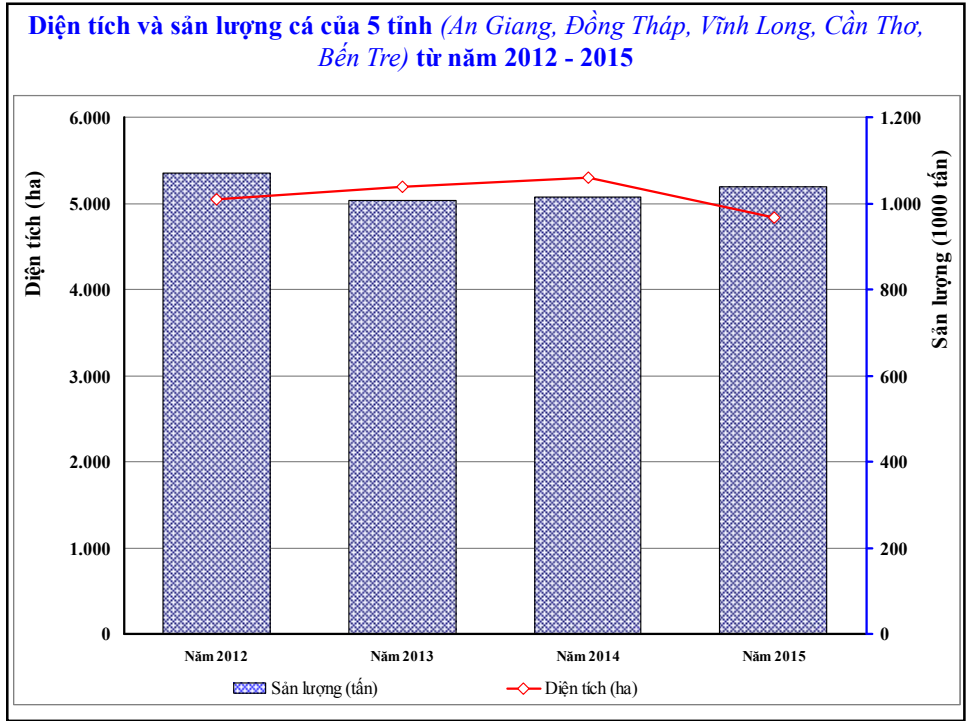
	2012	2013	2014
Diện tích NTTS (nghìn ha)	734	753	756
Sản lượng NTTS (nghìn tấn)	3115	3216	3413
Sản lượng cá nuôi (nghìn tấn)	1781	1692	1749
Diện tích cá tra (nghìn ha)	5,2	5,4	5,5
Sản lượng cá tra (nghìn tấn)	1110,1	1040,8	1059,5



HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ TRA Ở ĐBSCL

Hoạt động nuôi cá tra là ngành “đặc thù”

- ✦ Nghề nuôi cá tra đúng là “độc nhất vô nhị” trong ngành nuôi trồng thủy sản thế giới.
- ✦ Hệ thống nuôi có thể đạt năng suất trung bình 300–400 tấn cá/ha/vụ, đạt kỷ lục cao nhất trong mọi ngành sản xuất nông nghiệp.
- ✦ Là ngành sử dụng nhiều nước đồng thời thải ra môi trường nhiều chất thải
- ✦ Hoạt động nuôi quanh năm, không theo mùa.
- ✦ Diện tích nuôi chỉ khoảng 5.000 ha nhưng sản lượng trên 1 triệu tấn (khoảng 65% tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản ở châu Âu).
- ✦ Tạo cơ hội công ăn việc làm, đặc biệt là phụ nữ làm việc trong các nhà máy chế biến.
- ✦ Hầu hết sản phẩm dành để xuất khẩu.



SỬ DỤNG THỨC ĂN TRONG NUÔI CÁ TRA

Thành phần chính của thức ăn

Mã số thức ăn	Độ ẩm (%) max	Protein thô (%) max	P tổng số (%) min - max
HL 701	11	40	0,5 - 2,0
HL 702	11	35	0,5 - 2,0
HL 703	11	30	0,5 - 2,0
HL 704	11	28	0,5 - 2,0
HL 705	11	26	0,5 - 2,0
HL 706	11	22	0,5 - 2,0
HL 707	11	20	0,5 - 2,0

Nguồn: CTy TNHH MTV thức ăn thủy sản Mekong

Sử dụng thức ăn cho cá

Mã số thức ăn	Trọng lượng cá (gr)	Tỷ lệ (%) so với trọng lượng đàn cá
HL 701	<5	8 - 6
HL 702	5 - 10	6 - 4
HL 703	5 - 20	6 - 4
HL 704	10 - 200	4 - 3
HL 705	>50	4 - 3
HL 706	>200	3 - 2
HL 707	>500	3 - 2

ƯỚC TÍNH NHU CẦU SỬ DỤNG NƯỚC TRONG NUÔI CÁ TRA

Sử dụng nước trong vùng nuôi cá tra nội đồng

Thời gian nuôi	Số lần xả/tháng (lần)	Lượng nước xả/1 lần	Tổng lượng nước xả
		(m ³)	(m ³)
Tháng 1	1	5.000	5.000
Tháng 2	2	5.000	10.000
Tháng 3	5	5.000	25.000
Tháng 4	10	5.000	50.000
Tháng 5	20	5.000	100.000
Tháng 6	30	5.000	150.000
Tháng 7	30	5.000	150.000
Tháng 8	30	10.000	300.000
Tổng			790.000

Lượng nước sử dụng: 2.250 m³/tấn cá

Sử dụng nước trong vùng nuôi cá tra ven sông

Thời gian nuôi	Số lần xả/tháng (lần)	Lượng nước xả/1 lần	Tổng lượng nước xả
		(m ³)	(m ³)
Tháng 1	1	10.000	10.000
Tháng 2	2	10.000	20.000
Tháng 3	5	10.000	50.000
Tháng 4	10	10.000	100.000
Tháng 5	20	10.000	200.000
Tháng 6	30	10.000	300.000
Tháng 7	30	10.000	300.000
Tháng 8	30	15.000	450.000
Tổng			1.430.000

Lượng nước sử dụng: 4.000m³/tấn cá

ƯỚC TÍNH DÒNG THẢI TỪ HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ TRA

Sử dụng thức ăn và dòng thải từ 1ha cá tra ở ĐBSCL

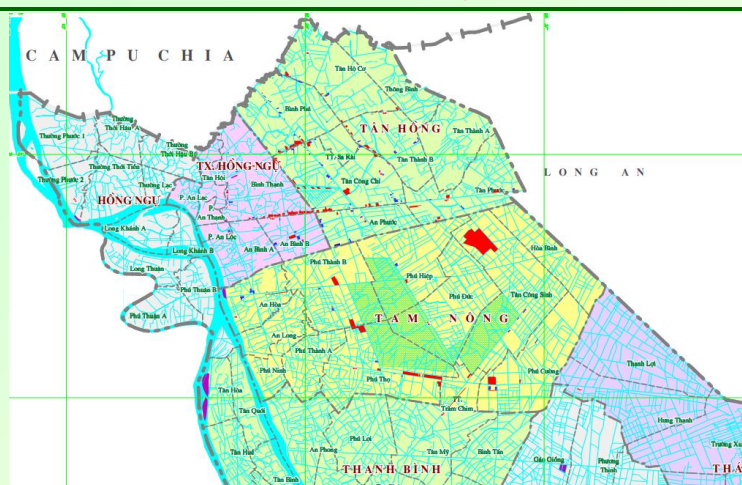
TT	Thông tin	Đơn vị	Khối lượng/ha/vụ
1	Lượng cá tra sản xuất (cá tươi)	tấn	300,0
2	Lượng cá tra khô quy đổi (30%)	tấn	90,0
3	Lượng thức ăn sử dụng (FRC= 1,55) độ ẩm = 11%; trung bình 25% protein thô; 1,2%P	tấn	465,0
4	Khối lượng thức ăn khô đưa vào ao nuôi	tấn	413,9
5	Tổng khối lượng Protein thô đưa vào ao nuôi	tấn	103,5
6	Tổng khối lượng đạm (N) đưa vào ao nuôi	tấn	16,6
8	Tổng khối lượng P (1,2%) đưa vào ao nuôi	tấn	5,0
9	Lượng N tích tụ trong cá	tấn	6,8
10	Lượng P tích tụ trong cá	tấn	1,4
11	Lượng N thải ra môi trường bên ngoài	tấn	9,7
12	Lượng P thải ra bên ngoài	tấn	3,5

QUY HOẠCH NUÔI CÁ TRA Ở ĐBSCL

TT	Tỉnh, thành	Quyết định số 102/2008			Quyết định số 3885/2014	
		2010	2015	2020	2015	2020
1	An Giang	2.100	2.450	2.500	1.000	1.430
2	Đồng Tháp	2.300	2.550	2.700	1.500	2.000
3	Cần Thơ	1.300	1.500	1.600	900	1.100
4	Vĩnh Long	550	700	800	550	800
5	Bến Tre	750	950	1.400	750	800
6	Sóc Trăng	650	800	1.200	200	400
7	Trà Vinh	400	700	1.100	130	580
8	Tiền Giang	250	600	700	140	240
9	Hậu Giang	300	750	1.000	180	340
10	Kiên Giang				20	30
	Tổng	8.600	11.000	13.000	5.370	7.720

Quyết định số 102/2008/QĐ-BNN ngày 17/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Quyết định số 3885/QĐ-BNN -TCTS ngày 11/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

NUÔI CÁ TRA NỘI ĐỒNG Ở 3 HUYỆN (Tam Nông, Tân Hồng và Hồng Ngự)



TT	Địa phương	Số liệu điều tra T5/2016	QĐ Quy hoạch số 1046		
			QH 2015	QH 2020	QH 2025
II	Thị xã Hồng Ngự	89	54	102	102
III	Huyện Tân Hồng	215	118	220	220
IV	Huyện Tam Nông	514	338	338	338
	Tổng	817	511	661	661

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ TRA

- ✦ Trong thời gian đầu phát triển hoạt động nuôi cá tra chủ yếu là nuôi lồng bè trên sông, đến năm 2005 dường như không phát triển mà chuyển sang nuôi trong ao.
- ✦ Thời gian khoảng năm 2000 vùng nuôi tập trung chủ yếu tại 3 tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ, sau phát triển sang các tỉnh Bến Tre và Vĩnh Long ...
- ✦ Xu hướng thời gian đầu vùng nuôi chủ yếu nằm trên các khu vực đất ven sông phía thượng sông Tiền và sông Hậu, các cù lao do nhu cầu sử dụng nước nhiều trong nuôi.
- ✦ Vào khoảng năm 2010 xu hướng mở rộng vùng nuôi sang các khu vực gần biển tận dụng dòng triều để giảm chi phí bơm nước.
- ✦ Hiện nay tại Đồng Tháp xu hướng mở rộng vùng nuôi vào nội đồng đang khá rõ.

